

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MỎ



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MỎ

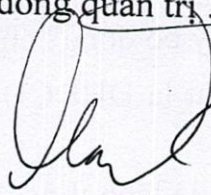
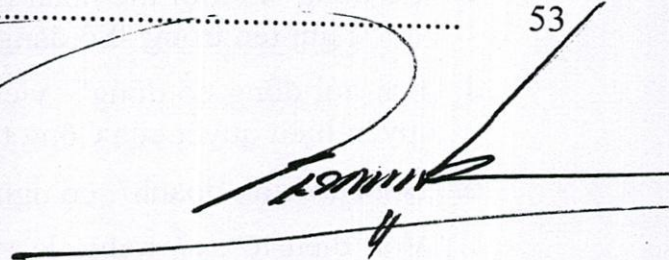
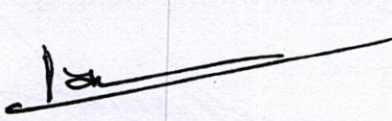
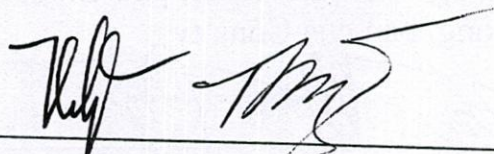
(Sửa sau Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 06/10/2017)

MỤC LỤC

| | |
|--|----|
| Phân mở đầu | 4 |
| Chương I. | 4 |
| ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ | 4 |
| Điều 1. Định nghĩa | 4 |
| Chương II. | 6 |
| TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY | 6 |
| Điều 2. Tên, địa chỉ và thời hạn hoạt động của Công ty | 6 |
| Chương III. | 7 |
| LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY | 7 |
| Điều 3. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và mục tiêu của Công ty..... | 7 |
| Chương IV: | 9 |
| VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP | 9 |
| Điều 4. Vốn điều lệ, Cổ phần, Cổ đông sáng lập | 9 |
| Điều 5. Cổ phiếu | 10 |
| Điều 6. Chuyển nhượng Cổ phần | 11 |
| Điều 7. Thừa kế Cổ phần | 11 |
| Điều 8. Thu hồi Cổ phần | 12 |
| Chương V. | 14 |
| CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT | 14 |
| Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát..... | 14 |
| Chương VI: | 14 |
| CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 14 |
| Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty..... | 14 |
| Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông..... | 15 |
| Điều 12. Đại hội đồng cổ đông | 15 |
| Điều 13. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông | 16 |
| Điều 14. Đại diện được uỷ quyền | 18 |
| Điều 15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Chương trình và Thông báo họp | 19 |
| Điều 16. Tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông | 20 |
| Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông..... | 22 |
| Điều 18. Thông qua Nghị quyết bằng văn bản | 22 |
| Chương VII. | 24 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 24 |

| | |
|---|-----------|
| Điều 19. Thành phần và nhiệm kỳ | 24 |
| Điều 20. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị | 25 |
| Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị | 26 |
| Điều 22. Chủ tịch Hội đồng quản trị | 28 |
| Điều 23. Hợp Hội đồng quản trị | 29 |
| Chương VIII. | 32 |
| GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 32 |
| Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý..... | 32 |
| Điều 25. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và Quyền hạn của Giám đốc Công ty. | 32 |
| Điều 26. Thư ký HĐQT | 34 |
| Chương IX. | 36 |
| TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY..... | 36 |
| Điều 27. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc và Cán bộ quản lý Công ty | 36 |
| Điều 28. Tránh xung đột về quyền lợi | 36 |
| Điều 29. Trách nhiệm và bồi thường | 36 |
| Chương X. | 38 |
| BAN KIỂM SOÁT | 38 |
| Điều 30. Ban kiểm soát | 38 |
| Điều 31. Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát | 38 |
| Điều 32. Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát | 39 |
| Chương XI. | 42 |
| QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY..... | 42 |
| Điều 33. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty | 42 |
| Chương XII. | 43 |
| TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN | 43 |
| Điều 34. Tổ chức Đảng, đoàn thể và công nhân viên | 42 |
| CHƯƠNG XIII. | 44 |
| PHÂN CHIA LỢI NHUẬN | 44 |
| Điều 35. Cổ tức | 44 |
| Chương XIV. | 45 |
| TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN | 46 |
| Điều 36. Tài khoản ngân hàng | 46 |

| | |
|---|----|
| Điều 37. Trích lập các quỹ | 46 |
| Điều 38. Năm tài chính | 46 |
| Điều 39. Hệ thống kế toán | 46 |
| Chương XV. | 48 |
| CON DẤU | 48 |
| Điều 40. Con dấu..... | 48 |
| Chương XVI. | 49 |
| CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ CÔNG TY | 49 |
| Điều 41. Chấm dứt hoạt động | 49 |
| Điều 42. Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông ... | 49 |
| Điều 43. Thanh lý | 49 |
| Chương XVII. | 51 |
| GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ | 51 |
| Điều 44. Giải quyết tranh chấp nội bộ | 51 |
| Chương XVIII. | 52 |
| SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ | 52 |
| Điều 45. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ | 52 |
| CHƯƠNG XIX. | 53 |
| NGÀY HIỆU LỰC | 53 |
| Điều 46. Ngày hiệu lực | 53 |
| Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị | 53 |

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ (dưới đây gọi là "Công ty") được chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 3476/QĐ-BCN ngày 20/10/2005 và được điều chỉnh theo quyết định số 682/QĐ ngày 23/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho **Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ** hoạt động, được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2006 và được sửa đổi bổ sung trong cuộc họp ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 06 năm 2008, tháng 04 năm 2012, tháng 04 năm 2013, tháng 04 năm 2014, tháng 04 năm 2015, tháng 04 năm 2017, tháng 04 năm 2017 và tháng 10 năm 2017 tại Hà Nội.


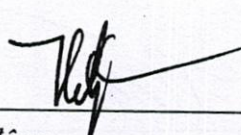

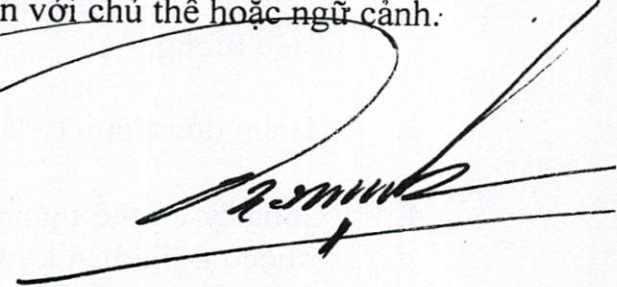
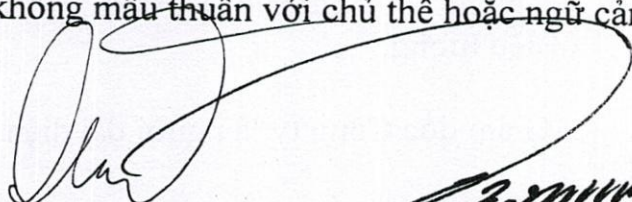
CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ.
 - b. "Hội đồng quản trị", viết tắt là HĐQT, có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
 - c. "Cổ đông" là mọi thể nhân hoặc pháp nhân đang sở hữu cổ phần của Công ty và được ghi tên trong "Sổ đăng ký cổ đông" của Công ty.
 - d. "Đại hội đồng cổ đông"- viết tắt là ĐHĐCĐ, có nghĩa là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.
 - e. "Địa bàn kinh doanh", có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - f. "Vốn điều lệ", có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 4 của Điều lệ này.
 - g. "Luật Doanh nghiệp", có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thứ XIII nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - h. "Ngày thành lập", có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.
 - i. "Pháp luật", là tất cả các Văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 1, Luật Ban hành văn bản quy phạm Pháp luật số 17/2008/QH12 được Quốc hội ban hành ngày 03 tháng 06 năm 2008.
 - j. "Cán bộ quản lý", có nghĩa là Giám đốc, phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Trưởng, phó các phòng, ban của Công ty;

Giám đốc, phó Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, các Xí nghiệp thành viên, các Trung tâm.

- k. "Những người liên quan", là các cá nhân hoặc tổ chức bất kỳ như quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
- l. "Thời hạn", có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty như quy định tại Điều 2, khoản 5 của Điều lệ này.
- m. "Việt Nam", có nghĩa là Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều, khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của điều, khoản (hoặc) của văn bản đó.
3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này, nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.



Chương II
TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, địa chỉ và Thời hạn hoạt động của Công ty.

Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:

“CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG MỎ”

1. Tên đăng ký hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh

“MINE CONSTRUCTION AND INVESTMENT CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY”

Tên viết tắt: **“INCODEMIC”**

Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật Việt Nam.

2. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ: Số 38 phố Bích Câu - Phường Quốc Tử Giám - Q. Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: (024) 38.457606

Fax: (024) 38.457436

Website:

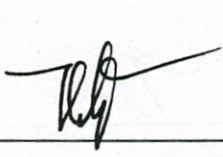
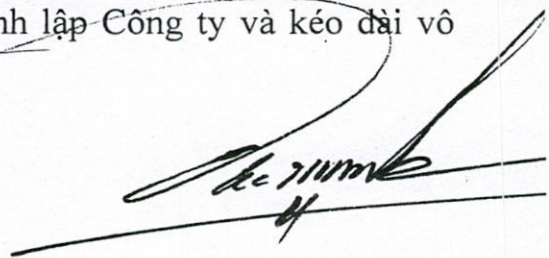
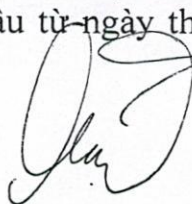
E-mail: Incodemic @hn.vnn.vn

Biểu tượng:

3. Giám đốc Công ty là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

4. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện, các đơn vị trực thuộc tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong phạm vi Pháp luật cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 41 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập Công ty và kéo dài vô thời hạn.




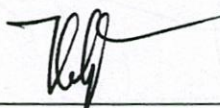
CHƯƠNG III

LĨNH VỰC, PHẠM VI KINH DOANH VÀ MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Điều 3. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và mục tiêu của Công ty.

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm:
 - a. Tư vấn về đầu tư xây dựng cơ bản, nghiên cứu, lựa chọn, lập, thẩm định các dự án đầu tư, dịch vụ về công tác đầu tư, kỹ thuật khai thác, chế biến và tuyển luyện khoáng sản;
 - b. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
 - c. Thiết kế lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ hoá chất;
 - d. Thiết kế lắp đặt thiết bị công nghệ tuyển khoáng;
 - đ. Thiết kế hệ thống công nghệ khai thác mỏ, công nghệ khai thác mỏ lộ thiên;
 - e. Thiết kế biện pháp khảo sát địa chất công trình khai thác mỏ
 - f. Thực hiện các đề án thăm dò mỏ, khoáng sản, các công trình khảo sát địa chất công trình - địa chất thuỷ văn, khảo sát trắc địa công trình;
 - g. Khoan khai thác nước ngầm;
 - h. Đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản;
 - i. Thi công các công trình giao thông, công trình dân dụng và công nghiệp; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35KV;
 - k. Kinh doanh vật tư, thiết bị sản xuất và thiết bị thi công xây dựng;
 - l. Khảo sát trắc địa công trình;
 - m. Thiết kế công trình giao thông (cầu, đường bộ);
 - n. Thiết kế công trình thủy lợi;
 - o. Đánh giá tác động môi trường.
 - p. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - q. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng công nghiệp;
 - r. Giám sát khảo sát địa chất công trình, địa chất thuỷ văn.
2. Phạm vi, địa bàn kinh doanh và hoạt động của Công ty.

- a. Công ty được quyền tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh như quy định trong **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh** và Điều lệ này, phù hợp với quy định của Pháp luật, và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
 - b. Công ty được quyền tiến hành những hoạt động kinh doanh khác mà Pháp luật không cấm, nếu Hội đồng quản trị xem xét thông qua.
 - c. Địa bàn kinh doanh của Công ty là trong nước và nước ngoài.
3. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm thu lại lợi nhuận tối đa, tăng lợi tức cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững, góp phần đảm bảo an ninh kinh tế chính trị đất nước.



CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 4. Vốn điều lệ, Cổ phần, cổ đông sáng lập.

1. Công ty đã phát hành các loại cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng và cổ phần phổ thông **hạn chế chuyển nhượng**. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này.

a. Cổ phần phổ thông hạn chế chuyển nhượng là cổ phần của các thành viên **Hội đồng quản trị Công ty và cổ phần của cổ đông sáng lập**

b. Cổ phần tự do chuyển nhượng là cổ phần không nằm ở mục a nêu trên

2. Tại ngày thông qua Điều lệ này, ***vốn điều lệ của Công ty là: 4.900.000.000 đồng (Bốn tỷ chín trăm triệu đồng chẵn)*** Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 490.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí tăng vốn điều lệ Công ty lên 6.000.000.000 đồng (***Sáu tỷ đồng chẵn***). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 600.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013, Đại hội đồng cổ đông nhất trí tăng vốn điều lệ Công ty lên 6.900.000.000 đồng (***Sáu tỷ chín trăm triệu đồng chẵn***). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 690.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Đại hội đồng cổ đông nhất trí tăng vốn điều lệ Công ty lên 7.590.000.000 đồng (***Bảy tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng chẵn***). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 759.000 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Đại hội đồng cổ đông nhất trí tăng vốn điều lệ Công ty lên 8.842.350.000 đồng (***Tám tỷ tám trăm bốn mươi hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn***). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 884.235 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2017, Đại hội đồng cổ đông nhất trí tăng vốn điều lệ Công ty lên 14.737.250.000 đồng (***Mười bốn tỷ bảy trăm ba mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn***). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.473.725 cổ phần, với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

3. Cổ đông sáng lập là những cổ đông hội tụ đủ các điều kiện sau:
- Tham gia Đại hội cổ đông thành lập để thông qua Điều lệ lần đầu tiên của Công ty;
 - Cùng nhau nắm giữ **ít nhất 20%** số cổ phần phổ thông của Công ty trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập.
 - Là cổ đông nắm giữ ít nhất 0,25% vốn điều lệ của công ty;
 - Là thành viên HĐQT hoặc người đại diện quản lý vốn của pháp nhân là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên.
4. Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.
Công ty có quyền phát hành các loại cổ phiếu và các quyền kèm theo cổ phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Việc phát hành thêm các loại cổ phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.
- Cổ phần phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ nắm giữ hiện tại của từng cổ đông. Công ty phải thông báo việc chào bán, nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, giá chào bán, thời hạn chào bán và các điều kiện chào bán khác để cổ đông đặt mua. Hội đồng quản trị Công ty sẽ quyết định phương án phân phối nốt số lượng cổ phần chưa chào bán hết sau khi phân phối cho các cổ đông. Hội đồng quản trị có thể phân phối hoặc trao quyền mua số lượng cổ phần chưa phân phối hết cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp, miễn là số lượng cổ phần đó không được bán cho các đối tượng bên ngoài theo các điều kiện ưu tiên hơn so với các điều kiện đã chào bán cho các cổ đông.
5. Công ty có quyền mua lại cổ phần của chính Công ty. Việc mua lại cổ phần của Công ty phải do Hội đồng quản trị quyết định và phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Cổ phần do Công ty mua lại sẽ được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán phù hợp với các quy định của Pháp luật.
6. Công ty có quyền phát hành các loại trái phiếu và các quyền kèm theo trái phiếu để huy động vốn phát triển sản xuất kinh doanh theo kế hoạch của Công ty. Việc phát hành trái phiếu phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Cổ phiếu.

1. Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu quy định của Bộ Tài chính nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và quản lý thống nhất dưới dạng bút toán ghi sổ.
2. Các thông tin về cổ đông như quy định tại Điều 120 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ trong **Sổ đăng ký cổ đông** và **Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần** được cấp cho cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu hợp pháp cổ phần của cổ đông với Công ty.
3. Đối với những cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại Công ty Chứng khoán hoặc mua cổ phiếu của Công ty trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, thì quyền sở hữu đối với cổ phiếu của Công ty được xác định theo các quy định của Pháp luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.
4. Công ty cũng có thể phát hành cổ phiếu dưới dạng chứng chỉ vật chất theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với các quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chuyển nhượng Cổ phần.

1. Các loại cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Pháp luật và Điều lệ này có quy định khác.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần phải theo đúng quy định quản lý, chuyển nhượng cổ phần do Công ty ban hành.
3. Khi cổ phiếu của Công ty được lưu ký tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thì sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Trong vòng 3 năm, kể từ khi Công ty được cấp **Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**, việc chuyển nhượng cổ phần của các Cổ đông sáng lập phải thực hiện theo Điều 119.3 Luật doanh nghiệp.
5. Các thành viên Hội đồng quản trị không được thế chấp, cầm cố hay chuyển nhượng cổ phiếu đang sở hữu trong thời gian đương nhiệm và trong vòng một năm kể từ khi không còn là thành viên Hội đồng quản trị, trừ các trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản trị chấp thuận. Việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị phải được Hội đồng quản trị chấp thuận và được ưu tiên chuyển nhượng cho các thành viên Hội đồng quản trị khác nhằm đảm bảo duy trì tỷ lệ nắm giữ trong Hội đồng quản trị.

Điều 7. Thừa kế Cổ phần.

1. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật về Thừa kế và các quy định khác có liên quan.
2. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất.
 - a. Người thừa kế duy nhất theo luật định;
 - b. Trường hợp có nhiều người cùng hàng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng theo đúng quy định Pháp luật. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.
3. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế sẽ được đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi cũng như thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan của cổ đông mà họ thừa kế.
4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo qui định của pháp luật.
5. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được tự do thừa kế; nhưng người được thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 8. Thu hồi Cổ phần

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua cổ phần, thì Hội đồng quản trị sẽ thông báo cho cổ đông và yêu cầu thanh toán số tiền mua cổ phần. Thông báo của Hội đồng quản trị sẽ nêu rõ số tiền, thời hạn và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần.
2. Trường hợp cổ đông không thanh toán toàn bộ số tiền trong thời hạn và địa điểm mà Hội đồng quản trị yêu cầu, thì Hội đồng quản trị sẽ thu hồi toàn bộ số lượng cổ phần đó. Trường hợp cổ đông chỉ thanh toán một phần, thì Hội đồng quản trị sẽ thu hồi lượng cổ phần chưa thanh toán.
3. Trường hợp tại thời điểm thu hồi cổ phần mà Công ty đã công bố trả cổ tức nhưng chưa chi trả, thì các cổ phiếu bị Hội đồng quản trị quyết định thu hồi sẽ không được quyền nhận cổ tức, mặc dù Công ty đã công bố chia cổ tức.
4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi, đương nhiên mất tư cách cổ đông đối với số lượng cổ phần bị thu hồi.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 9. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban Kiểm soát
4. Giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số lượng cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Mỗi cổ phần phổ thông có một **Phiếu biểu quyết**. Cổ đông có thể biểu quyết trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người khác biểu quyết phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty;
 - b. Nhận cổ tức hàng năm theo mức do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần theo qui định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phần theo tỷ lệ nắm giữ, khi Công ty phát hành thêm cổ phần;
 - đ. Kiểm tra các thông tin liên quan đến chính mình trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình;
 - e. Trường hợp Công ty phá sản, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu sau khi Công ty đã thanh toán hết cho chủ nợ và các cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi, nếu có.
 - f. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp qui định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - g. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) trở lên số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên, có các quyền sau:

- a. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo qui định tại các Điều 19.5 và 30.5 của Điều lệ này;
- b. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các quyền khác được qui định tại Điều lệ này.

Điều 11. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Tuân thủ các qui định của Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy chế; các quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục qui định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số cổ phần đã góp vào Công ty;
3. Các nghĩa vụ khác theo qui định của Pháp luật.
4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ.

Điều 12. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty và bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người được cổ đông có quyền biểu quyết uỷ quyền.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính tại địa điểm do Hội đồng quản trị quyết định tùy thuộc vào từng thời điểm.
3. Tất cả các cổ đông của Công ty đều có quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty, thường niên và bất thường.

4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số liệu trong bảng cân đối kế toán quý, nửa năm hoặc năm của Công ty cho thấy vốn điều lệ của Công ty bị giảm một phần tư (1/4) trở lên.
 - c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm từ 02 thành viên trở lên.
 - d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông như quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường bằng văn bản có đầy đủ chữ ký của các cổ đông liên quan và nêu rõ lý do, mục đích của việc triệu tập.
 - đ. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi Ban Kiểm soát có bằng chứng về việc các thành viên Hội đồng quản trị hoặc các cán bộ quản lý của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị và các cán bộ quản lý hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhóm cổ đông nêu tại Điều 10.3 của Điều lệ này hoặc của Ban Kiểm soát.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập theo yêu cầu.
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo yêu cầu, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông (nêu tại Điều 10.3 của Điều lệ này) yêu cầu có thể tự triệu tập.
 - d. Tất cả chi phí tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Những chi phí này không bao gồm những chi phí mà cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và chi phí ăn, ở và đi lại của cổ đông.

Điều 13. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thành lập có nhiệm vụ:
 - a. Thông qua Điều lệ Công ty;
 - b. Thông qua Phương án sản xuất kinh doanh
 - c. Bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
 - d. Quyết định mức thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
 - đ. Thông qua danh sách cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và

Xây dựng Mỏ.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các vấn đề sau trong cuộc họp:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán;
 - đ. Phương án sản xuất kinh doanh của Công ty
3. Đại hội đồng cổ đông có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức hàng năm trả cho từng loại cổ phần, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền kèm theo từng loại cổ phần;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - d. Kiểm toán và lựa chọn đơn vị Kiểm toán;
 - đ. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - f. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
 - g. Phương án phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu;
 - h. Việc chuyển nhượng cổ phần của các thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm kể từ ngày thành lập;
 - i. Sáp nhập, chuyển đổi, tổ chức lại và giải thể Công ty;
 - j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - k. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty tính theo giá trị sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;
 - l. Mua hoặc mua lại trên mười phần trăm (10%) cổ phần đang lưu hành của Công ty;
 - m. Việc Công ty hoặc Chi nhánh của Công ty ký kết và thực hiện các hợp đồng theo quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
 - n. Thay đổi quyền của cổ đông sở hữu các loại cổ phần ưu đãi khác;

- o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và ra Nghị quyết để thông qua các vấn đề đã được đưa vào Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Đại diện được uỷ quyền.

1. Các cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được uỷ quyền được biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, không được ứng cử, đề cử để tham gia vào cơ quan quản lý điều hành Công ty với danh nghĩa cá nhân. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể thoả thuận và uỷ quyền bằng văn bản cho cổ đông khác của Công ty có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật làm đại diện cho nhóm cổ đông đó. Văn bản uỷ quyền phải có chữ ký và dấu (nếu có) hợp pháp của tất cả các cổ đông trong nhóm. Việc thay đổi người đại diện của nhóm cổ đông phải được tất cả các cổ đông trong nhóm nhất trí bằng văn bản. Đại diện của nhóm cổ đông được quyền biểu quyết, bầu cử, ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty và các quyền khác theo nội dung được uỷ quyền.
3. Việc uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo đúng thủ tục và **mẫu uỷ quyền** của Công ty.
4. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thì cổ đông này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo quy định của Pháp luật.
5. Thẻ biểu quyết của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực, ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:
 - a. Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi của mình;
 - b. Huỷ bỏ việc uỷ quyền;
 - c. Huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Các trường hợp trên sẽ không hiệu lực nếu Công ty được thông báo về một trong các trường hợp trên ba ngày trước khi triệu tập hoặc triệu tập họp lại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Chương trình và Thông báo họp.

1. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo quyết định của Hội đồng quản trị, trừ các trường hợp được quy định tại Điều 12.5b hoặc 12.5c của Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; Chuẩn bị chương trình cuộc họp và các tài liệu theo quy định của Pháp luật và Công ty.
 - b. Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp;
 - c. Thông báo bằng văn bản cho tất cả các cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;
3. Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm:
 - a. Giấy mời họp, kèm theo là các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
 - b. Chương trình cuộc họp;
 - c. Thông báo về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đi chậm nhất (10) ngày trước ngày khai mạc, tính từ ngày thông báo được gửi đi hợp lệ.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề để đưa vào chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần nắm giữ.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất quy định tại Điều 15.4 nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần trong thời gian liên tục từ sáu (06) tháng trở lên;
 - c. Đề xuất không đủ thông tin cần thiết;
 - d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua Nghị quyết.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình cuộc họp.
7. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập họp một cách phù hợp hoặc nội dung cuộc họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý, thì Nghị quyết đã được nhất trí thông qua tại cuộc họp vẫn được coi là hợp lệ nếu tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Điều 16. Tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập Biên bản cuộc họp.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ làm Chủ tọa để chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì thành viên được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền sẽ chủ trì.
2. Trừ các trường hợp quy định tại Điều 16.3, Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Các Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán, sáp nhập, tái cấu trúc và giải thể Công ty phải được thông qua bởi ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức, lưu các biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Các biên bản cuộc họp, các bản ghi chép, sổ chữ ký của các cổ đông tham dự và giấy uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty.
5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi số lượng cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự đại diện cho ít nhất trên năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ số lượng tham dự cần thiết, cuộc họp phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp thứ nhất. Trong cuộc họp được triệu tập lại, số lượng cổ đông hoặc người được uỷ quyền tham dự phải đại diện

cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số lượng cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu cuộc họp thứ hai không thể tiến hành do không đủ số lượng tham dự, cuộc họp thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự kiến cuộc họp lần hai.

Trong cuộc họp thứ ba, bất kỳ số lượng cổ đông và đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề được đưa ra để thảo luận và thông qua tại cuộc họp.

6. Khi tiến hành đăng ký cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số lượng phiếu biểu quyết của cổ đông hoặc người được uỷ quyền đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối sẽ được chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết. Cuộc họp sẽ chọn ra Hội đồng kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu cuộc họp không chọn thì chủ toạ sẽ chọn Hội đồng kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu.
7. Cổ đông đến muộn vẫn có quyền đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại cuộc họp những vấn đề chưa được biểu quyết. Cổ đông đến muộn sẽ không được tham gia biểu quyết những vấn đề đã được biểu quyết và hiệu lực của các lần biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Chủ toạ có quyền phán quyết cao nhất đối với các vấn đề về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
9. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn cuộc họp đến thời gian và tại địa điểm khác trong vòng không quá ba (03) ngày mà không cần lấy ý kiến của cuộc họp nếu:
 - a. Các thành viên tham dự không có đủ chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức cuộc họp;
 - b. Có hành vi cản trở hoặc gây rối cuộc họp;
 - c. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết.

Cuộc họp được tổ chức lại sẽ không xem xét các vấn đề ngoài các vấn đề đã đưa vào chương trình thảo luận.

10. Chủ toạ hoặc Thư ký cuộc họp được quyền hành động thích hợp để điều khiển cuộc họp diễn ra hợp lệ, trật tự và phản ánh được ý kiến của đa số đại biểu tham dự.

11. Hội đồng quản trị có quyền áp dụng các biện pháp kiểm tra hoặc an ninh hợp lý đối với các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự cuộc họp. Người chủ toạ có quyền không cho tham dự hoặc trục xuất những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ các quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh và các quy định về nội dung của cuộc họp đã được thông báo.

Điều 17. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi thành biên bản. Biên bản phải phản ánh các nội dung sau:
 - a. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Tên Chủ toạ và Thư ký;
 - c. Chương trình làm việc;
 - d. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - đ. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống và số phiếu trắng, các vấn đề được thông qua;
 - e. Tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự;
 - f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - g. Họ tên, chữ ký của Chủ toạ và Thư ký.
2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được hoàn thiện và thông qua trước khi bế mạc đại hội.

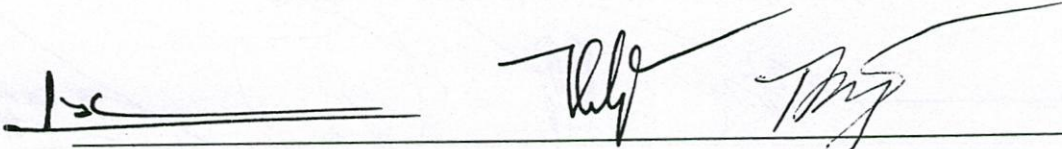
Điều 18. Thông qua Nghị quyết bằng văn bản.

Do điều kiện nào đó (làm việc phân tán, không có điều kiện về kinh phí, địa điểm v.v...) Nghị quyết cuộc họp đại hội đồng cổ đông vẫn được thông qua khi số lượng cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận bằng văn bản. Việc thông qua Nghị quyết bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 143 và Khoản 4, Điều 144.

Khi thông qua Nghị quyết bằng văn bản, Hội đồng quản trị phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Quyết định các vấn đề cần biểu quyết, hình thức và nội dung thẻ biểu quyết;
- b. Nội dung *thẻ biểu quyết* phải có: Tên, trụ sở của Công ty, mục đích biểu quyết, vấn đề cần biểu quyết, các tài liệu liên quan để cổ đông nghiên cứu vấn đề trước khi biểu quyết, thời hạn gửi lại thẻ biểu quyết về Công ty, các mục lựa chọn biểu quyết "Nhất trí", "Không nhất trí", "Không có ý kiến";
- c. Gửi *thẻ biểu quyết* kèm theo tài liệu liên quan cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- d. Thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm *thẻ biểu quyết*, thông báo kết quả biểu quyết và các Nghị quyết được thông qua cho tất cả cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ thời hạn cuối cùng mà cổ đông gửi *thẻ biểu quyết* của họ về Công ty.



CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thành phần và Nhiệm kỳ

1. Số lượng thành viên HĐQT: Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu có 5 thành viên, bao gồm Chủ tịch và các thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị những nhiệm kỳ sau sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm năm; Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên HĐQT đại diện cho phần vốn của Nhà nước tại Công ty do Tổng Công ty HCVN (nay là Tập đoàn HCVN) giới thiệu để Đại hội đồng cổ đông bầu có thể bị thay thế bất cứ lúc nào nhưng phải thông báo cho HĐQT Công ty bằng văn bản 30 ngày trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.
3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị gồm các nội dung dưới đây:
 - Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh, tổ chức thực hiện các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuộc phạm vi ngành nghề của Công ty.
 - Có hiểu biết về pháp luật và các nội dung cơ bản hiện hành của Nhà nước về quản lý sản xuất và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp.
 - Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.
 - Là cổ đông thể nhân của Công ty, hoặc là người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ tối thiểu 10% vốn điều lệ của Công ty.
 - Không phải là người thành lập, tham gia thành lập, tham gia quản lý, điều hành và là thành viên HĐQT của các doanh nghiệp có ngành nghề sản xuất kinh doanh tương tự của Công ty.
 - Không phải là những người thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty. Việc thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh điều hành của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
5. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Cổ đông thể nhân nắm giữ tối thiểu 10% hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ trên 10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền ứng cử để bầu vào Hội đồng quản trị.

- b. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người đề bầu vào Hội đồng Quản trị. Nếu:
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên;

Điều 20. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 19.3 Điều lệ này;
 - b. Thành viên xin từ nhiệm bằng văn bản;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị mất năng lực pháp lý và năng lực hành vi theo quy định của Pháp luật;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị trong vòng 06 tháng liên tục không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị mà không có lý do hợp lý và không được Hội đồng quản trị cho phép. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ quyết định vị trí mà thành viên Hội đồng quản trị đó đảm nhiệm.
 - đ. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi miễn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm từ hai (02) thành viên trở lên thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng

quản trị.

3. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 21. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện các hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty trong phạm vi nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý khác như nêu ở Khoản 3.d dưới đây.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, các Quy chế nội bộ của Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và tài chính hàng năm;
 - b. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.
 - c. Xác định các mục tiêu chiến lược hoạt động của Công ty trên cơ sở các mục tiêu và chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện Công ty nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết và vì lợi ích của Công ty;
 - đ. Quyết định mức lương của Giám đốc và các cán bộ quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức, định mức kinh tế kỹ thuật, nội quy, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - f. Quyết định thành lập hoặc giải thể Chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị thành viên của Công ty;

- g. Quyết định khiếu nại và lựa chọn đại diện của Công ty để tiến hành các thủ tục pháp lý khi khiếu nại (nếu có);
 - h. Đề xuất và thực hiện phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu, và các quyền kèm theo cổ phiếu hoặc trái phiếu;
 - i. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm, xác định mức cổ tức tạm thời và tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:
- a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Việc thành lập các đơn vị thành viên của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty, trừ trường hợp được quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp là do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các trường hợp cụ thể khác được quy định trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm Đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - đ. Vay nợ, thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - e. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.
 - f. Mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác.
 - g. Định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền khi Công ty phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu như vàng, bạc, đá quý, đồ trang sức quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thiết bị và bí quyết công nghệ;
 - h. Mua lại hoặc thu hồi dưới mười phần trăm (10%) cổ phần của Công ty theo từng loại và quyết định mức giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
 - i. Bất kỳ vấn đề nào khác mà Hội đồng quản trị thấy cần phải quyết định trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các nội dung dưới đây trong năm tài chính:
 - a. Hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b. Hoạt động giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty (do HĐQT bổ nhiệm).
6. Quyết toán tài chính năm. Tình hình hoạt động của Công ty.
Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị đại diện cho Công ty thực hiện vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị, trừ khi Pháp luật có quy định khác.
7. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị thoả thuận chia mức thù lao cho từng thành viên, hoặc nếu không thì tổng thù lao sẽ được chia đều cho các thành viên trong Hội đồng.
8. Tổng số tiền thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao trả cho mỗi thành viên phải được nêu chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ bất kỳ chức vụ điều hành nào, bao gồm cả Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Hội đồng quản trị kiêm những công việc nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
10. Các thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm của mình, kể cả chi phí tham dự các cuộc họp của Hội đồng, các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc điều hành.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và

chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

- c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của cơ quan kiểm toán (nếu có) và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- đ. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này
3. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ thay mặt Chủ tịch khi được chủ tịch uỷ quyền. Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền phải thông báo cho Hội đồng quản trị về việc uỷ quyền này.
4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 23. Hợp Hội đồng quản trị

1. Hợp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị bất kỳ lúc nào nếu cần, và mỗi quý phải triệu tập họp ít nhất một lần.
2. Hợp Hội đồng quản trị bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích và lý do: Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty hoặc ít nhất 05 người quản lý khác, tối thiểu hai (02) thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải tiến hành họp bất thường trong vòng bảy (07) ngày sau khi có đề nghị họp bằng văn bản.
3. Địa điểm họp: Hội đồng quản trị sẽ tổ chức họp ở những địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa điểm khác tại Việt Nam do Chủ tịch quyết định và được Hội đồng quản trị nhất trí.
4. Thông báo và chương trình họp: Các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo họp hai (02) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải bao gồm: Nội dung chương trình, thời gian, địa điểm họp và những tài liệu liên quan đến những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp; phiếu biểu quyết gửi cho các thành viên không thể dự họp.
5. Số lượng thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp. Trường hợp khác theo Khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

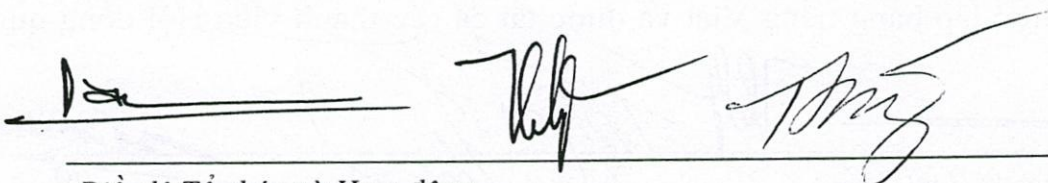
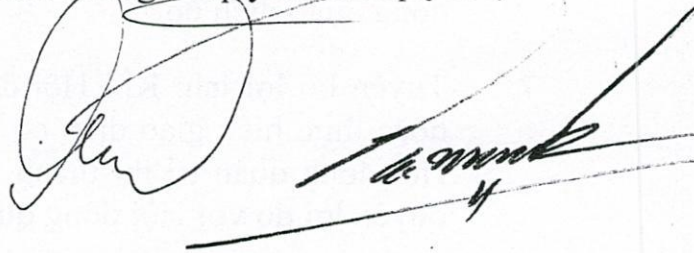
6. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại Điều 23.8 của Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp sẽ có một (01) phiếu biểu quyết.
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc vấn đề mà thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.
7. Tuyên bố lợi ích: Khi Hội đồng quản trị họp để xem xét ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch có lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho thành viên của Hội đồng quản trị thì thành viên này phải công bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó với Hội đồng quản trị.
8. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng biểu quyết đa số. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
9. Biểu quyết vắng mặt: thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết bằng văn bản. Phiếu biểu quyết bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
10. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được tất cả các thành viên Hội đồng quản trị ký và đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Các thành viên có quyền biểu quyết tại cuộc họp ký;
 - b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp;
 - c. Nghị quyết có thể được sao ra nhiều bản và gửi cho từng thành viên ký để thông qua.
11. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản họp Hội đồng quản trị là văn bản xác thực về những vấn đề đã được bàn bạc và thông qua trong cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và được tất cả các thành viên Hội đồng quản

trị tham dự họp ký.

Biên bản họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

Trong trường hợp cần thiết, biên bản có thể lập bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực ngang biên bản bằng tiếng Việt. Nếu có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

12. Mời họp dự thính: Hội đồng quản trị có thể mời một số cán bộ quản lý của Công ty và các chuyên gia của một bên thứ ba tham dự họp Hội đồng quản trị. Những người được mời họp dự thính không có quyền biểu quyết



CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ THƯ KÝ HĐQT

Điều 24. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động và các Quy chế khác nhằm quản lý Công ty và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành của Công ty. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một Giám đốc, một số Phó giám đốc theo nhu cầu về nhiệm vụ công việc và một Kế toán trưởng để điều hành Công ty. Các phó Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng quản trị cơ cấu cán bộ quản lý của Công ty nhằm thực hiện quản lý Công ty theo đúng yêu cầu của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm. Cán bộ quản lý của Công ty phải có năng lực và luôn luôn mặn cán trong việc tổ chức sản xuất kinh doanh theo các mục tiêu mà Hội đồng quản trị đề ra.
3. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của Giám đốc Công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và được quy định trong hợp đồng lao động ký với Giám đốc. Mức lương, thù lao, quyền lợi và trách nhiệm của các cán bộ quản lý khác của Công ty cũng do Hội đồng quản trị quyết định theo đề nghị của Giám đốc Công ty và được quy định trong hợp đồng lao động ký với từng cán bộ quản lý.

Điều 25. Bổ nhiệm, Miễn nhiệm, Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ làm Giám đốc Công ty hoặc thuê Giám đốc điều hành thông qua việc ký kết hợp đồng lao động. Hợp đồng lao động phải quy định rõ mức lương, thù lao, quyền lợi và các điều kiện khác của hợp đồng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc Công ty phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty theo Pháp luật.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác. Khi hết nhiệm kỳ, Giám đốc có thể được Hội đồng quản trị xem xét bổ nhiệm lại. Nếu Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm lại Giám đốc, thì Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm xem xét và ký kết lại hợp đồng lao động với Giám đốc.
4. Giám đốc Công ty phải có các tiêu chuẩn sau:

- a. Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh, tổ chức thực hiện các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuộc phạm vi ngành nghề của Công ty, hiểu biết Pháp luật.
 - b. Không được đồng thời giữ bất cứ một chức vụ điều hành nào tại Công ty khác.
 - c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.
5. Giám đốc không phải là những người sau đây:
- a. Người vị thành niên.
 - b. Người không đủ năng lực pháp lý và hành vi theo quy định của Pháp luật.
 - c. Người đã bị kết án và đang thi hành án.
 - d. Nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức Nhà nước.
 - d. Người mà trước đây đã từng lãnh đạo công ty bị phá sản.
 - e. Người mà trước đó đã có chứng cứ về việc vô tổ chức kỷ luật, không trung thực và tham nhũng.
6. Giám đốc Công ty có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty mà không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế trừ các hợp đồng kinh tế quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
 - c. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - d. Kiến nghị Hội đồng quản trị tổ chức bộ máy quản lý điều hành Công ty và số lượng cán bộ quản lý, phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty. Đề xuất cho Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều kiện khác khi Giám đốc ký kết hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý.

- đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Riêng các chức danh: Trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm, trưởng các đơn vị thành viên và tương đương thì trước khi bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức phải có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị
 - e. Quyết định tuyển dụng người lao động, mức lương và phụ cấp (nếu có), lợi ích và các điều kiện khác liên quan, kể cả đối với số cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc Công ty.
 - f. Lập và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh và tài chính chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở kế hoạch kinh doanh và tài chính dài hạn của Công ty.
 - g. Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i. Chuẩn bị các báo cáo tài chính hàng năm, quý và tháng của Công ty để phục vụ cho việc giám sát và đánh giá thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và tài chính của Công ty. Các báo cáo tài chính bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo thu nhập, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và bao gồm những thông tin theo quy định của Pháp luật và Công ty.
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Hợp đồng lao động của Giám đốc.
7. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông: Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao, phải báo cáo Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông khi được yêu cầu.
8. Bãi nhiệm Giám đốc Công ty: Nếu ít nhất 3/5 số lượng thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành, thì Hội đồng quản trị sẽ bãi nhiệm Giám đốc và bổ nhiệm Giám đốc khác thay thế. Trường hợp khác theo Khoản 8 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

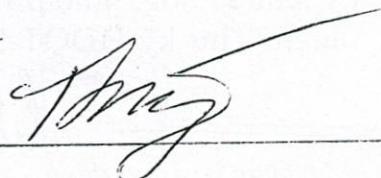
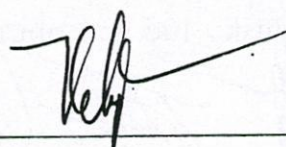

Điều 26. Thư ký HĐQT

Hội đồng quản trị có thể chỉ định một thư ký HĐQT và quyết định nhiệm kỳ, chức năng, nhiệm vụ và quyền lợi của Thư ký HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký HĐQT bất kỳ lúc nào nhưng không được vi phạm Luật Lao

động hiện hành.

Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký HĐQT bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc Ban Kiểm soát;
2. Lập biên bản các cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục cho các cuộc họp;
4. Cung cấp thông tin theo qui định cho các thành viên của HĐQT và Ban Kiểm soát;
5. Biên tập, tổng hợp biên bản, tài liệu để quản lý và lưu giữ



CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 27. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty

Tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, miễn cán vi lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.
2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Công ty để thu lợi riêng cho bản thân và cho người khác; không được chuyển tài sản của Công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Công ty trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty không được trục lợi từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không được lợi dụng cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty, không được sử dụng những thông tin quản trị của Công ty để làm lợi cho cá nhân hoặc để phục vụ cho lợi ích bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

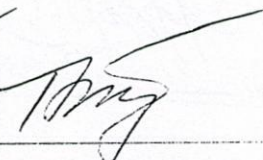


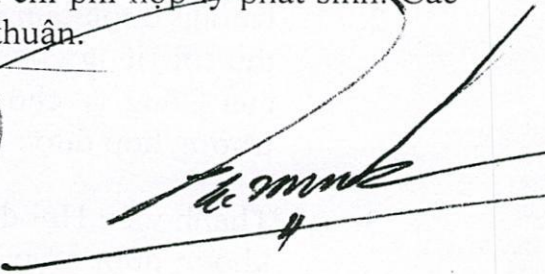
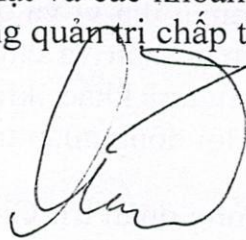
Điều 28. Trách xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị khi được hưởng hoặc dự kiến được hưởng những lợi ích mà có thể xung đột với lợi ích Công ty từ các hợp đồng, giao dịch với bất kỳ pháp nhân hoặc cá nhân nào. Chỉ khi các thành viên Hội đồng quản trị không liên quan đến các lợi ích đó nhất trí, thì các thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý có liên quan mới được hưởng những lợi ích đó.
2. Công ty không cho vay hoặc bảo lãnh các khoản vay của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý của Công ty và những người có liên quan với họ.

Điều 29. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất về những thiệt hại khi:

- a. Hành động không trung thực
 - b. Không miễn cán và cân trọng hợp lý để hoàn thành trách nhiệm được giao.
 - c. Tham ô, tham nhũng, gây lãng phí làm thất thoát tài sản Công ty
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho các thành viên Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý Công ty hoặc đại diện của Công ty trong trường hợp họ đã, đang và có thể bị khiếu nại, kiện, khởi tố dân sự hoặc hành chính, khi thực thi nhiệm vụ của Công ty hay các đơn vị thành viên của Công ty với điều kiện họ đã hành động trung thực, cân trọng, miễn cán, vì lợi ích của Công ty, tuân thủ luật pháp. Chi phí bồi thường sẽ bao gồm: Chi phí thuê luật sư, chi phí xét xử, tiền phạt và các khoản chi phí hợp lý phát sinh. Các chi phí này phải được Hội đồng quản trị chấp thuận.



CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 30. Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng hình thức bỏ phiếu kín và có ba (03) thành viên cho nhiệm kỳ đầu. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát các nhiệm kỳ sau, sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Ban Kiểm soát bầu một trong số các thành viên làm trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.
3. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát phải thỏa mãn các nội dung dưới đây:
 - a. Có trình độ học vấn từ đại học trở lên.
 - b. Có hiểu biết về Pháp luật và các nội dung cơ bản hiện hành của Nhà nước về quản lý sản xuất và hạch toán kinh doanh đối với doanh nghiệp.
 - c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và liêm khiết.
4. Những người không được làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại điểm b, c, d Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp.
5. Ứng cử và đề cử thành viên Ban Kiểm soát.
 - a. Cổ đông thể nhân nắm giữ tối thiểu 10% hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân nắm giữ trên 10% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền ứng cử đề cử vào Ban kiểm soát.
 - b. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sáu (06) tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử người để bầu vào Ban Kiểm soát. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ mười phần trăm (10%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) thì được quyền đề cử một (01) thành viên; nếu chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) thì được quyền đề cử hai (02) thành viên; nếu từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên thì được đề cử ba (03) thành viên.

Điều 31 Quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

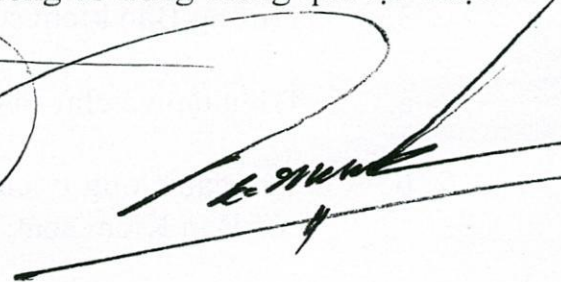
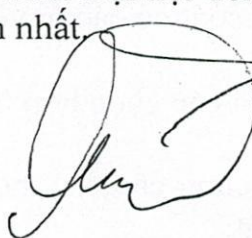
1. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định và bãi nhiệm đơn vị Kiểm toán, mức phí kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến kế toán và kiểm toán của Công ty.
2. Thảo luận với đơn vị kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi tiến hành việc kiểm toán.
3. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi báo cáo được đệ trình Hội đồng quản trị;
4. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà đơn vị kiểm toán muốn bàn bạc.
5. Thẩm định ý kiến của đơn vị Kiểm toán và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty.
6. Thẩm định báo cáo kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
7. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ (nếu có) và ý kiến phản hồi của Ban quản lý;
8. Kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong các lĩnh vực: Quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, ghi chép và lập sổ sách kế toán cũng như báo cáo tài chính; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, và theo yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.3 của Điều lệ này.
9. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.
11. Ban Kiểm soát khi thực hiện nhiệm vụ không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành và hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 32 Những vấn đề khác liên quan đến Ban Kiểm soát

1. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát phải đảm bảo rằng toàn bộ các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và các biên bản họp Hội đồng quản trị cũng sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Trong nhiệm kỳ, nếu số lượng kiểm soát viên giảm so với quy định tại Điều 30.1 của Điều lệ này thì Đại hội đồng cổ đông phải bầu bổ sung trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Trường hợp thiếu kiểm soát viên mà các kiểm soát viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.
3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Phân công công việc cho các kiểm soát viên phụ trách theo yêu cầu công việc của Công ty.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát mỗi năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
5. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng phải họp tối thiểu mỗi quý 01 lần và số lượng thành viên tham dự tối thiểu trong mỗi cuộc họp phải là 02 thành viên.
6. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Bị mất năng lực pháp lý
 - b. Có bằng chứng chuyên môn chứng minh thành viên đó mất năng lực hành vi;
 - c. Có chứng cứ chứng minh không trung thực, vô tổ chức kỷ luật, tham nhũng và lợi dụng chức danh công việc cầu lợi riêng.
 - d. Thành viên Ban Kiểm soát không tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong thời gian sáu (6) tháng liên tục mà không được phép của Ban Kiểm soát;

- d. Thành viên Ban Kiểm soát xin từ chức bằng văn bản và gửi Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- e. Cổ đông muốn thay thế người đại diện hoặc người được uỷ quyền của mình đang giữ chức vụ kiểm soát viên phải đề xuất bằng văn bản với Hội đồng Quản trị để Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

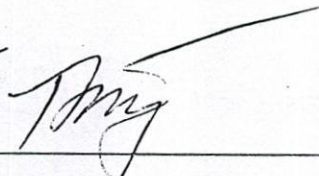
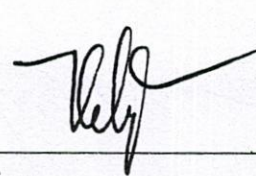

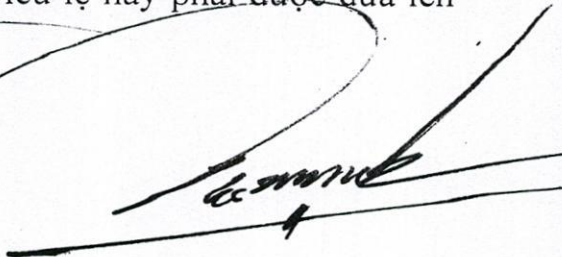
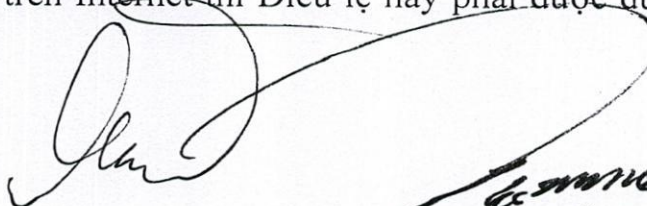


CHƯƠNG XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 33. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ của Công ty

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông như quy định tại Điều 10.3 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc thông qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, yêu cầu bằng văn bản được kiểm tra danh sách các cổ đông, biên bản Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu đó trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp người khác được uỷ quyền phải xuất trình giấy uỷ quyền khi đi kiểm tra, mọi chi phí liên quan để thực hiện công việc trên thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải chịu. Ngoài ra có quyền yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến việc quản lý điều hành của Công ty khi thấy cần thiết.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty có liên quan trực tiếp đến việc thực thi nhiệm vụ của mình, nhưng phải bảo mật các thông tin này.
3. Giám đốc Công ty phải tổ chức lưu Điều lệ Công ty và các bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các loại tài liệu khác theo quy định của Pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu đó.
4. Mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Công ty cung cấp một bản Điều lệ Công ty. Nếu Công ty có website trên Internet thì Điều lệ này phải được đưa lên website đó.

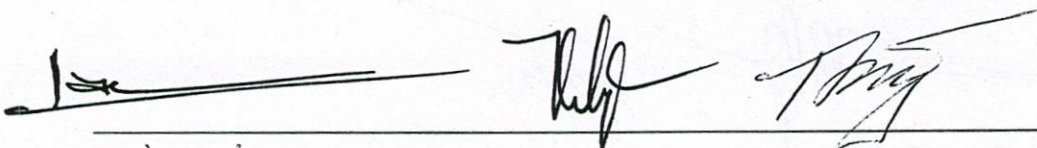
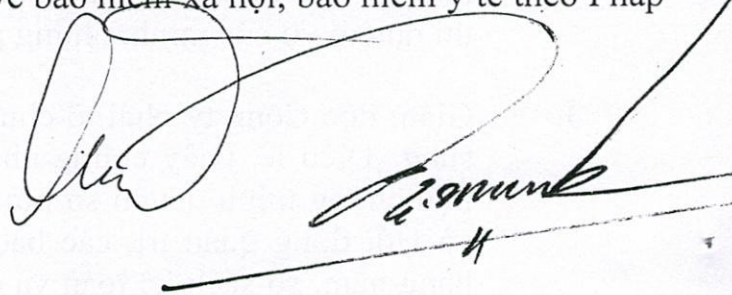


CHƯƠNG XII

TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ CÔNG NHÂN VIÊN

Điều 34. Tổ chức Đảng, Đoàn thể và Công nhân viên

1. Các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Phụ nữ và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật của Nước CHXHCNVN và Điều lệ của tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ và Điều lệ của mình.
2. Người lao động đang làm việc cho Công ty theo chế độ hợp đồng lao động khi chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần sẽ được ký lại hợp đồng lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động. Các chế độ quyền lợi được thực hiện theo Luật Lao động và các quy định của Chính phủ về cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước.
3. Công ty bảo đảm các quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo Pháp luật hiện hành.

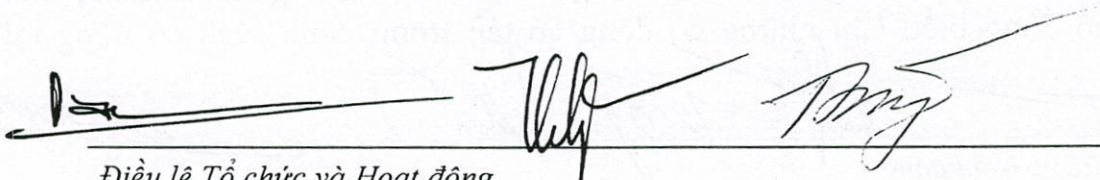
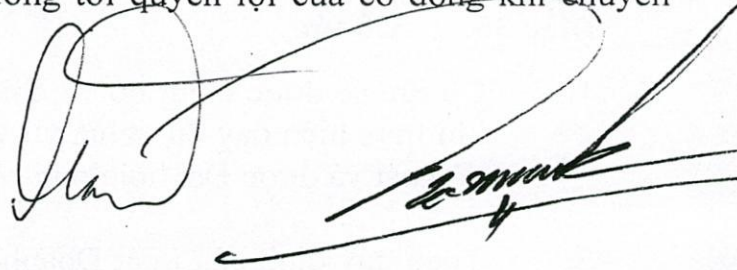


CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 35. Cổ tức

1. Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận của Công ty hàng năm sau khi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước theo mức do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ các loại cổ phần có kèm theo quyền hoặc các loại cổ phần có các điều kiện phát hành quy định khác, cổ tức sẽ được chi trả theo tổng giá trị tính theo mệnh giá cổ phiếu mà cổ đông đang nắm giữ trong thời gian chi trả cổ tức.
4. Tại thời điểm chi trả cổ tức, nếu cổ đông chưa đến nhận thì Công ty sẽ không trả lãi hoặc các chi phí phát sinh liên quan đến các khoản cổ tức chưa nhận.
5. Cổ tức có thể được chi trả toàn bộ hoặc từng phần bằng tài sản khác như cổ phiếu hoặc trái phiếu, v.v... của Công ty. Việc chi trả cổ tức bằng tài sản khác phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
6. Cổ tức phải được chi trả tính theo Đồng Việt Nam và có thể chi trả bằng tiền mặt, séc, lệnh chuyển tiền hoặc theo yêu cầu hợp lý của cổ đông. Đối với cổ phiếu đã niêm yết, cổ tức sẽ được thanh toán theo quy trình và quy định của Trung tâm giao dịch chứng khoán.
7. Công ty có thể chi trả cổ tức bằng cổ phần của chính Công ty nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải lập phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Sau khi chi trả, những loại cổ phần phát hành để chi trả cổ tức sẽ có tất cả những quyền lợi và trách nhiệm như những cổ phần cùng loại hiện đang lưu hành của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
8. Căn cứ luật Doanh nghiệp, cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị quyết định ngày khoá sổ cổ đông để chi trả cổ tức và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trực tiếp cho các cổ đông biết. Chỉ những cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại

ngày khoá sổ mới có quyền nhận cổ tức. Ngày khoá sổ cổ đông có thể là cùng ngày hoặc trước ngày thực hiện chi trả cổ tức. Việc khoá sổ cổ đông phải đảm bảo không có ảnh hưởng tới quyền lợi của cổ đông khi chuyển nhượng cổ phiếu.



CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 36. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Pháp luật hiện hành để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
2. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật nếu cần thiết.

Điều 37. Trích lập các quỹ

1. Công ty lập Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế theo qui định của pháp luật hiện hành. Mức trích bổ sung từng quỹ hàng năm không vượt quá 05% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi mỗi quỹ bằng 10% vốn điều lệ Công ty.
2. Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, bao gồm:
 - Quỹ phúc lợi và khen thưởng: tối đa 05% lợi nhuận sau thuế
 - Các quỹ khác nếu có. tối đa 01% lợi nhuận sau thuế

Điều 38. Năm tài chính

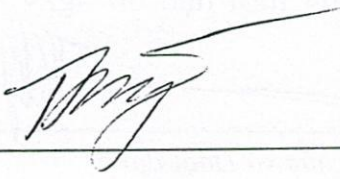


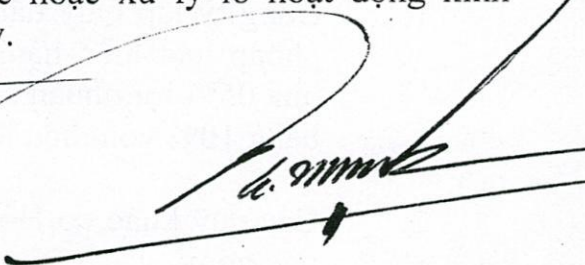
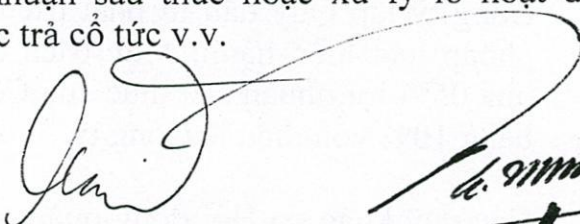
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 39. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ tài chính chấp thuận.
2. Công ty phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải

hoàn thành các báo cáo tài chính và trình Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét.

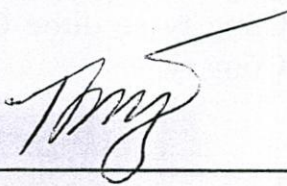
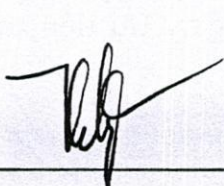
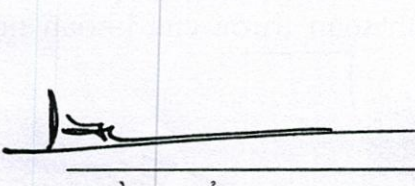
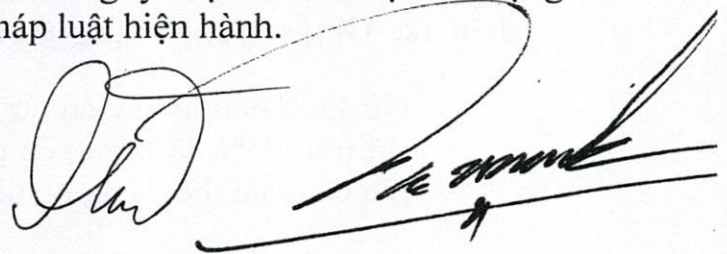
5. Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:
 - a. Các báo cáo tài chính: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính;
 - b. Báo cáo thẩm tra của Ban Kiểm soát về báo cáo tài chính
 - c. Báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán về các báo cáo tài chính của Công ty.
 - d. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý lỗ hoạt động kinh doanh, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức v.v.



CHƯƠNG XV CON DẤU

Điều 40. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua và khắc con dấu chính thức của Công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin: Tên doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp. Trước khi sử dụng, Công ty phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
2. Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải được Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty ký và đóng dấu Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu theo đúng quy định về việc sử dụng con dấu trong Công ty do Hội đồng quản trị ban hành.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật hiện hành.



CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 41. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định giải thể Công ty phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền biết và chấp thuận phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 42. Giải quyết bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

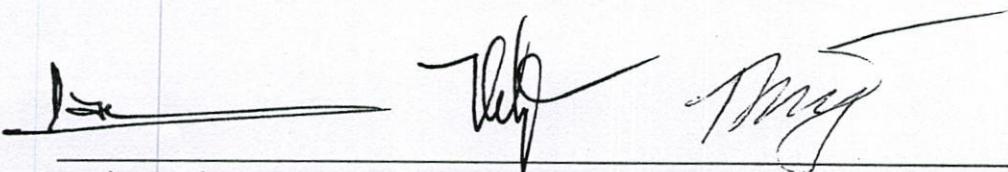
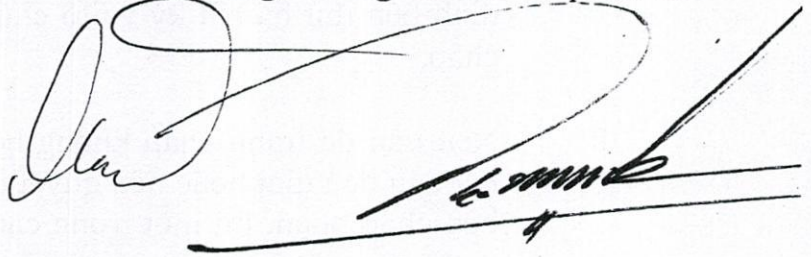
Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông hay nhóm cổ đông nắm giữ trên 65% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty có quyền yêu cầu giải thể Công ty, nếu một trong các trường hợp sau đây xảy ra:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết để thông qua Hội đồng quản trị theo quy định.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông bất đồng nội bộ và các phe phái trong cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể Công ty được coi là phương án có lợi nhất cho toàn thể cổ đông.

Điều 43. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông biểu quyết lựa chọn và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ đơn vị Kiểm toán. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban Thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý Công ty sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan có thẩm quyền về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của ban Thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính có thẩm quyền.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên Công ty;
 - c. Thuế và các khoản phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - đ. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sẽ được phân chia cho các cổ đông. Trong đó các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

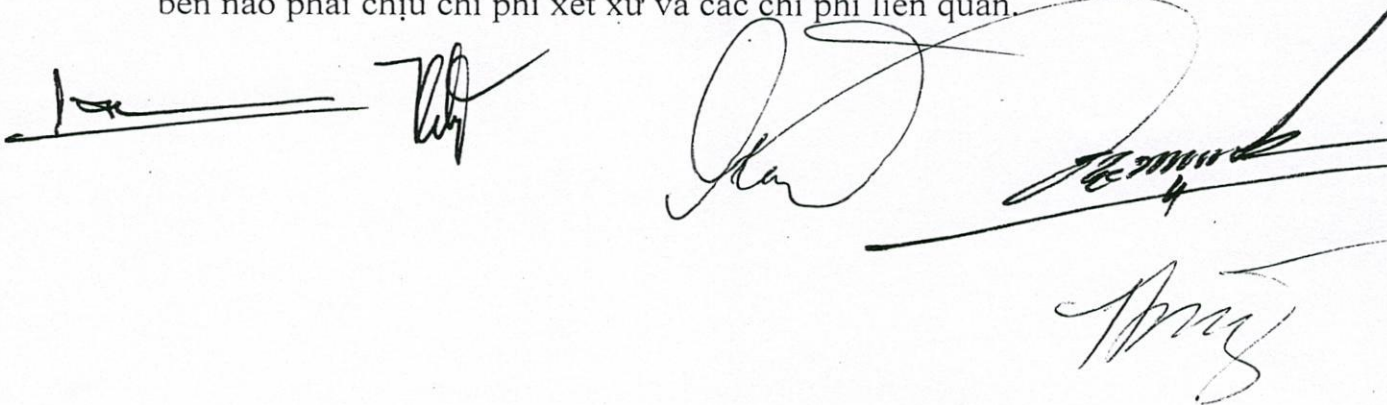


CHƯƠNG XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 44. Giải quyết tranh chấp nội bộ



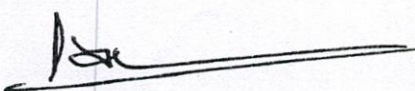
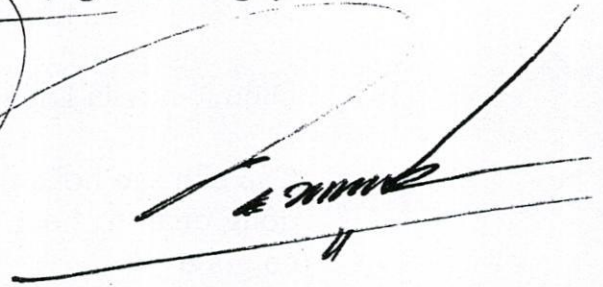
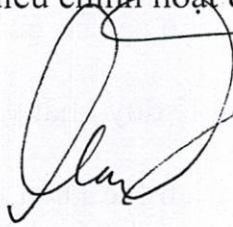
1. Khi xảy ra tranh chấp hay khiếu nại về hoạt động của Công ty hoặc quyền của các cổ đông phát sinh từ các quy định của Điều lệ hoặc các quy định của Luật Doanh nghiệp và các luật khác giữa:
 - a. Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Công ty;
 - b. Một cổ đông hoặc nhiều cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý của Công ty, thì các bên liên quan sẽ trước hết giải quyết tranh chấp bằng thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp không liên quan đến Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu các bên giải trình các vấn đề tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, thì các bên có thể chỉ định bên thứ ba bất kỳ và tổ chức Công đoàn làm trọng tài giải quyết tranh chấp.
2. Nếu vấn đề tranh chấp không hoà giải được trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, thì một trong các bên có thể đưa tranh chấp ra Toà án Kinh tế để giải quyết, trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là đại diện trước Pháp luật của Công ty trong quá trình tố tụng.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí phát sinh trong quá trình thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp được đưa ra toà xét xử thì Toà án sẽ phán quyết bên nào phải chịu chi phí xét xử và các chi phí liên quan.



CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 45. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
2. Trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc những quy định của Pháp luật mới ban hành khác với những quy định trong Điều lệ này, thì những quy định của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.



CHƯƠNG XIX NGÀY HIỆU LỰC

Điều 46. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm mười chín (19) Chương và bốn mươi sáu (46) Điều đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập của Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ nhất trí thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2006 tại Hà Nội, và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua sửa đổi bổ sung ngày 06 tháng 10 năm 2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại Công ty và nộp cho các cơ quan chức năng theo quy định.
3. Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký ít nhất của 3/4 thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Chữ ký của các thành viên HĐQT

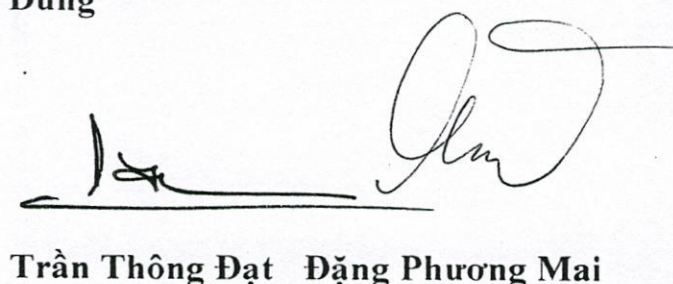
CHỦ TỊCH

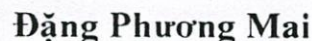


Trần Tiến Dũng


Vũ Ngọc Minh


Hoàng Văn Đồng


Trần Thông Đạt


Đặng Phương Mai